

Tuần:
Tiết:

Ngày soạn:
Ngày dạy:

CHƯƠNG III: GÓC VỚI ĐƯỜNG TRÒN

§1. GÓC Ở TÂM. SỐ ĐO CUNG

A. MỤC TIÊU:

- Kiến thức:* + Nhận biết được góc ở tâm, hai cung tương ứng, một cung bị chắn. Hiểu được định lý về cộng số đo hai cung
- Kỹ năng:* Rèn kỹ năng đo góc ở tâm, thấy rõ sự tương ứng giữa số đo của cung và của góc ở tâm chắn cung đó trong trường hợp cung nhỏ hoặc cung nửa đường tròn, biết suy ra số đo của cung lớn, biết so sánh hai cung trên một đường tròn. Biết vận dụng được định lý về cộng số đo hai cung, biết chứng minh định lý.
- Thái độ:* Care thận và suy luận hợp logic.
- Định hướng phát triển năng lực:*
 - Năng lực chung: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản.
 - Năng lực chuyên biệt: Biết phân tích tìm lời giải và trình bày lời giải, làm quen với dạng toán tìm vị trí một điểm để một đoạn thẳng có độ dài lớn nhất

C. CHUẨN BỊ:

- Giáo viên: Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu
- Học sinh: Thực hiện hướng dẫn tiết trước
- Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:

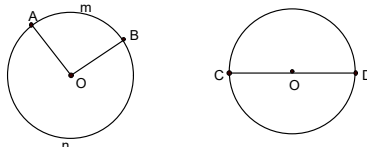
Cấp độ Chủ đề	Nhận biết M1	Thông hiểu M2	Vận dụng M3	Vận dụng cao M4
Góc ở tâm, số đo cung.	Định nghĩa góc ở tâm. Số đo độ của góc ở tâm. Số đo cung.	-So sánh hai cung	- V/dụng Hãy tìm số đo của cung nêu cách tìm đó ?	Vận dụng đlý về cộng số đo hai cung để giải được BT.

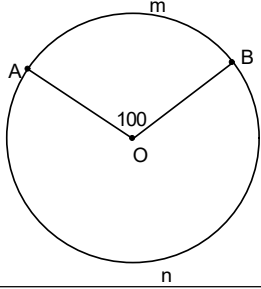
E. TIỀN TRÌNH TIẾT DẠY:

- Ôn định lớp:**
- Kiểm tra bài cũ:** (Không kiểm tra) Giới thiệu nội dung chương III
- Khởi động:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
H: Góc mà có đỉnh của nó nằm trên đường tròn và hai cạnh là hai bán kính của đường tròn được gọi là gì?	Hs nêu dự đoán
Mục tiêu: Hs bước đầu được mô tả sơ lược về góc ở tâm Phương pháp và kỹ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,... Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm. Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT. Sản phẩm: Dự đoán của học sinh	

4. Hoạt động hình thành kiến thức:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG
<p style="text-align: center;">Hoạt động 1: Định nghĩa góc ở tâm – cá nhân</p> <p>Mục tiêu: Hs nêu được đ. nghĩa góc ở tâm, xác định được góc ở tâm Phương pháp và kỹ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình, ... Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm. Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT. Sản phẩm: xác định được góc ở tâm, cung lớn, cung nhỏ NLHT: NL xác định góc ở tâm</p>	
<p>Gv giới thiệu cho Hs tìm hiểu thế nào là góc ở tâm, kí hiệu cung. GV cho HS quan sát H.1 SGK /67. H : Góc ở tâm là gì ? GV: giới thiệu cung nhỏ, cung lớn và kí hiệu cung kèm theo hình vẽ H : Số đo độ của góc ở tâm có thể là những giá trị nào ? H : Mỗi góc ở tâm ứng với mấy cung ? Hãy chỉ ra cung bị chắn của \widehat{AOB}, \widehat{COD}</p> <p>Cho HS làm BT 1 SGK.</p>	<p>1. Góc ở tâm. <u>Định nghĩa</u> : Góc có đỉnh trùng với tâm đường tròn được gọi là góc ở tâm Cung nhỏ : \widehat{AmB} Cung lớn : \widehat{AnB} Góc ở tâm \widehat{AOB} chắn cung nhỏ \widehat{AmB} Góc bẹt \widehat{COD} chắn nửa đường tròn.</p> <div style="text-align: center;"></div> <p><u>Bài tập 1</u> : a) 90^0; b) 150^0; c) 180^0; d) 0^0; e) 120^0</p>
<p style="text-align: center;">Hoạt động 2: Số đo cung – nhóm</p> <p>Mục tiêu: Hs nêu được định nghĩa số đo cung Phương pháp và kỹ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình, ... Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm. Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT. Sản phẩm: Xác định được số đo cung lớn, cung nhỏ. NLHT: NL đo đạc, tính toán.</p>	
<p>Gọi 1 HS lên bảng đo $\widehat{AOB} = ?$, sđ $\widehat{AmB} = ?$ GV : Hãy tìm số đo của cung lớn \widehat{AnB}, nêu cách tìm đó ? –HS nêu ĐN /67</p> <p>Hãy nêu định nghĩa góc ở tâm, số đo cung, cách so sánh hai cung,</p>	<p>2. Số đo cung. <u>Định nghĩa</u>: SGK/67 * Số đo của cung AB kí hiệu là sđ \widehat{AB}. <u>VD</u>: sđ $\widehat{AnB} = 360^0 - 100^0 = 260^0$</p> <p><u>Chú ý</u> : – Cung nhỏ có sđ $< 180^0$ – Cung lớn có sđ $> 180^0$ – Khi hai mút của cung trùng nhau, ta có cung không với số đo 0^0 và cung cả đường tròn có số đo 360^0</p>

cách tính số đo cung.	
<p style="text-align: center;">Hoạt động 3: So sánh hai cung – cá nhân</p> <p>Mục tiêu: Hs so sánh được số đo hai cung dựa vào số đo của chúng Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,... Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm. Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT. Sản phẩm: Hs so sánh được hai cung NLHT: NL <i>So sánh hai cung</i></p>	
<p>HS đọc chú ý SGK /67 H : Để so sánh 2 cung ta dựa vào yếu tố nào ? H : Thế nào là hai cung bằng nhau ? Nêu cách kí hiệu hai cung bằng nhau ?</p>	<p>3. So sánh hai cung. Trong một đường tròn hay hai đường tròn bằng nhau. + Hai cung được gọi là bằng nhau nếu chúng có số đo bằng nhau. + Trong hai cung, cung nào có số đo lớn hơn được gọi là cung lớn hơn</p>
<p style="text-align: center;">Hoạt động 4: Cộng số đo hai cung</p> <p>Mục tiêu: Hs nêu được định lý cộng số đo hai cung Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,... Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm. Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT. Sản phẩm: Áp dụng tính số đo cung NLHT: NL tính toán</p>	
<p>GV vẽ H.3,4 và giới thiệu điểm C chia cung AB thành hai cung AC và CB. Nêu ĐL /68 Cho HS giải ? 2</p>	<p>4. Khi nào thì $\widehat{sđ AB} = \widehat{sđ AC} + \widehat{sđ CB}$? Định lý : SGK Giải ? 2 : Giải: C nằm trên cung AB nên tia OC nằm giữa hai tia OA và OB nên ta có: $\widehat{AOB} = \widehat{AOC} + \widehat{COB}$ Mà $\widehat{sđ AOB} = \widehat{sđ AB}; \widehat{sđ AOC} = \widehat{sđ AC}$ $\widehat{sđ COB} = \widehat{sđ CB} \Rightarrow \widehat{sđ AB} = \widehat{sđ AC} + \widehat{sđ CB}$</p>

4. Câu hỏi và bài tập củng cố - Hướng dẫn về nhà:

a. Câu hỏi và bài tập củng cố

Hãy nêu định nghĩa góc ở tâm, số đo cung, cách so sánh hai cung, cách tính số đo cung.(M1)

b. Hướng dẫn về nhà

- Học thuộc các ĐL, KL

–Làm các BT2, 4, 5, (SGK). Chuẩn bị bài tập đầy đủ tiết sau luyện tập

Tuần:

Ngày soạn:

Tiết:

Ngày dạy:

LUYỆN TẬP (góc ở tâm – số đo cung)

I. MỤC TIÊU:

1- *Kiến thức*: Củng cố các khái niệm về góc ở tâm, cung bị chắn, số đo cung, so sánh hai cung

2- *Kỹ năng*: Rèn luyện cách đo góc ở tâm bằng thước đo góc, tính số đo góc, số đo cung. Vận dụng thành thạo định lí cộng hai cung giải các bài toán liên quan

3- *Thái độ*: Học tập tích cực

3- *Thái độ*: Cẩn thận và suy luận hợp logic.

4 *Định hướng phát triển năng lực*:

- Năng lực chung: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản.

- Năng lực chuyên biệt: Rèn luyện cách đo góc ở tâm bằng thước đo góc, tính số đo góc, số đo cung. Vận dụng thành thạo định lí cộng hai cung giải các bài toán liên quan

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên: Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu

2. Học sinh: Thực hiện hướng dẫn tiết trước

3. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:

Cấp độ Chủ đề	Nhận biết M1	Thông hiểu M2	Vận dụng M3	Vận dụng cao M4
Luyện Tập	Định nghĩa Góc ở tâm. Số đo độ của góc ở tâm. Số đo cung. Bài 2/69 SGK.	-So sánh hai cung.	- Tìm số đo của cung, Vận dụng t/c tt tính số đo góc từ đó suy ra số cung.	Vận dụng đly về cộng số hai cung để giải được BT.

III. TIẾN TRÌNH TIẾT DẠY:

A. Khởi động:

Mục tiêu: Hs thấy được các kiến thức đã học liên quan đến tiết học

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: câu trả lời của học sinh

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
- Nêu định nghĩa góc ở tâm? Định nghĩa số đo cung? - Cho hai cung AB và CD khi nào ta nói hai cung này bằng nhau? Cung AB lớn hơn cung CD?	Trả lời đúng các ĐN Trả lời đúng cách so sánh cung

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

C. LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Mục tiêu: Hs áp dụng được các kiến thức đã học để giải được một số bài tập cụ thể

Phương pháp và kỹ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

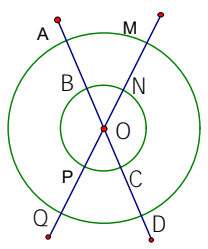
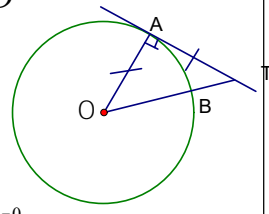
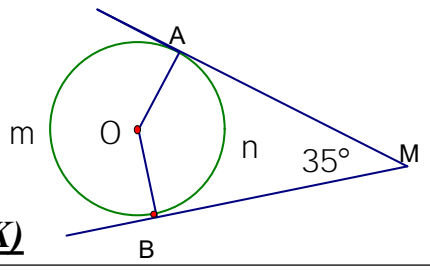
Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Phương pháp và kỹ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: Tìm được số đo của cung, Vận dụng t/c Tiếp tuyến tính số đo góc từ đó suy ra số đo cung

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG
Bài 2/69 SGK HS 1 giải GV nhận xét sửa chữa Bài 7.HS2 giải HS cả lớp theo dõi sau đó nhận xét bài làm của bạn trên bảng GV viên nhận xét đáng giá cho điểm → Số đo độ của góc ở tâm. So sánh cung. 1HS làm trên bảng GV yêu cầu HS khác nhận xét	<p><u>Bài 2/69/sgk</u></p> $\widehat{xOs} = 40^\circ (gt) \Rightarrow \widehat{tOy} = 40^\circ$ $\widehat{xOt} = \widehat{sOy} = 180^\circ - 40^\circ = 140^\circ$ $\widehat{xOy} = \widehat{sOt} = 180^\circ$  <p><u>Bài 7/69 sgk</u></p> <p>a) các cung nhỏ AM, CP, BN, DQ có cùng số đo</p> <p>b) $\widehat{AM} = \widehat{DQ}; \widehat{CP} = \widehat{BN}; \widehat{AQ} = \widehat{MD}; \widehat{BP} = \widehat{NC}$</p> <p>c) Ví dụ: $\widehat{AMDQ} = \widehat{MAQD}$</p> <p><u>Bài 4 (SGK)</u></p> <p>ΔATO vuông cân tại A nên</p> $\widehat{AOB} = 45^\circ \Rightarrow sd \widehat{AnB} = 45^\circ$ $sd \widehat{AmB} = 360^\circ - 45^\circ = 315^\circ$   <p><u>Bài 5: (SGK)</u></p>

<p>Bài 5 (SGK) Hs cả lớp suy nghĩ giải bài tập 5 HS vẽ hình H. Hãy cho biết GT, KL của bài H. Để tính được số góc AOB ta cần tính được yếu tố nào trước? Gt bài cho 2 tiếp tuyến AM, BM có suy ra được điều gì? 1HS lên bảng tính góc AOB H. Hãy nêu cách tính số đo mỗi cung (HS lớp tự làm vào vở câu b)</p>	<p>a) Tứ giác ANBO Có $\widehat{A} = \widehat{B} = 90^\circ$ Nên $\widehat{AOB} = 180^\circ - 35^\circ = 145^\circ$ b) $sd \widehat{AnB} = sd \widehat{AOB} = 145^\circ$ $sd \widehat{AmB} = 360^\circ - sd \widehat{AnB} = 360^\circ - 145^\circ = 215^\circ$</p>
--	--

D. TÌM TÀI MỞ RỘNG

E. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

+ Xem lại các bài tập đã làm

+ Chuẩn bị bài: Liên hệ giữa cung và dây

a. Câu hỏi và bài tập củng cố

Câu hỏi (MĐ1): Nhắc lại nội dung các định nghĩa và các định lí đã học trong bài.

Tuần:
Tiết:

Ngày soạn:
Ngày dạy:

§2. LIÊN HỆ GIỮA CUNG VÀ DÂY

A. MỤC TIÊU:

- Kiến thức:* Học sinh hiểu được các cụm từ “cung căng dây” và “dây căng cung”. Hiểu được nội dung định lý 1 và 2. Bước đầu vận dụng được nội dung các định lý đã học vào giải một số bài tập liên quan.
- Kỹ năng:* Rèn kỹ năng vẽ hình, tính toán
- Thái độ:* Học tập tích cực
- Xác định nội dung trọng tâm:* số đo cung, so sánh hai cung cụm từ “cung căng dây” và “dây căng cung”. Hiểu được nội dung định lý 1 và 2.
- Định hướng phát triển năng lực:*
 - Năng lực chung: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản.
 - Bước đầu vận dụng được nội dung các định lý đã học vào giải một số bài tập liên quan.

B. PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC:

- Phương pháp và kỹ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...
- Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.
- Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

C. CHUẨN BỊ:

- Giáo viên: Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu
- Học sinh: Thực hiện hướng dẫn tiết trước

D. MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:

1. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:

Cấp độ Chủ đề	Nhận biết M1	Thông hiểu M2	Vận dụng M3	Vận dụng cao M4
Liên hệ giữa cung và dây	Các khái niệm “cung căng dây” và “dây căng cung”	So sánh hai cung, nội dung đ.lý 1 và ghi GT và KL của đ.lý? nội dung đ.lý 2	- Vận dụng tính số đo cung, góc ở tâm. Hãy so sánh hai dây.	Chứng minh AB là đường trung trực của đoạn MN. Các Mệnh đề đảo.

E. TIẾN TRÌNH TIẾT DẠY:

- Ổn định lớp:
- Kiểm tra bài cũ: (không kiểm tra)
- Khởi động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
Có thể chuyển việc so sánh hai cung sang việc so sánh	Hs nêu dự đoán

hai dây và ngược lại không?

Mục tiêu: Bước đầu kích thích khả năng tìm tòi kiến thức của học sinh.

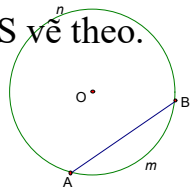
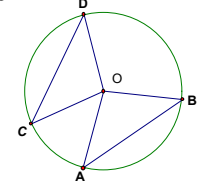
Phương pháp và kỹ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: Dự đoán của học sinh.

4. Hoạt động hình thành kiến thức:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG																		
<p>Hoạt động 1: Định lý 1 – cá nhân + cặp đôi</p> <p>Mục tiêu: Hs phát biểu và chứng minh được định lý</p> <p>Phương pháp và kỹ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...</p> <p>Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.</p> <p>Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.</p> <p>Sản phẩm: Kết quả hoạt động của Hs</p> <p>NLHT: NL tính toán, NL tư duy, NL quan sát, NL vận dụng, NL hợp tác, giao tiếp. NL vẽ hình định lý 1</p>																			
<p>*Bước 1: Giáo viên vẽ hình 9,10/SGK. Yêu cầu HS vẽ theo.</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;"> <div style="text-align: center;">  <p>hình 9</p> </div> <div style="text-align: center;">  <p>hình 10</p> </div> </div> <p>H: Nếu ta cho hai cung nhỏ AB và CD bằng nhau. Em có nhận xét gì về độ dài của hai dây AB và CD?</p> <p>HS: $AB = CD$</p> <p>GV: Hãy đọc nội dung định lý 1 và ghi giả thiết và kết luận của định lý?</p> <p>Gọi 1 HS lên bảng chứng minh. Cả lớp tự làm vào vở)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu định lý đảo của định lý trên. - Ghi giả thiết, kết luận. (học sinh tự chứng minh) <p>*Bước 2: Giáo viên yêu cầu Hs nhắc lại định lý</p>	<p>1. Định lý 1: (SGK)</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 10%; text-align: center;">a)</td> <td style="width: 20%; text-align: center;">GT</td> <td style="width: 70%;">Cho đường tròn(O)</td> </tr> <tr> <td></td> <td></td> <td style="text-align: center;">$\widehat{AB} = \widehat{CD}$</td> </tr> <tr> <td></td> <td style="text-align: center;">KL</td> <td style="text-align: center;">$AB = CD$</td> </tr> </table> <p>CM: xét $\triangle AOB$ và $\triangle COD$ ta có: $\widehat{AB} = \widehat{CD} \Rightarrow \widehat{AOB} = \widehat{COD}$ (liên hệ giữa cung và góc ở tâm). $OA = OB = OC = OD$ (cùng bằng bán kính) $\Rightarrow \triangle AOB = \triangle COD$ (c.g.c) $\Rightarrow AB = CD$</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 10%;"></td> <td style="width: 20%; text-align: center;">GT</td> <td style="width: 70%;">Cho đường tròn(O)</td> </tr> <tr> <td></td> <td></td> <td style="text-align: center;">$AB = CD$</td> </tr> <tr> <td></td> <td style="text-align: center;">KL</td> <td style="text-align: center;">$\widehat{AB} = \widehat{CD}$</td> </tr> </table> <p>CM: xét $\triangle AOB$ và $\triangle COD$ ta có: $OA = OB = OC = OD$ (cùng bằng bán kính) $AB = CD$ (gt) $\Rightarrow \triangle AOB = \triangle COD$ (c.c.c) $\Rightarrow \widehat{AOB} = \widehat{COD} \Rightarrow \widehat{AB} = \widehat{CD}$</p>	a)	GT	Cho đường tròn(O)			$\widehat{AB} = \widehat{CD}$		KL	$AB = CD$		GT	Cho đường tròn(O)			$AB = CD$		KL	$\widehat{AB} = \widehat{CD}$
a)	GT	Cho đường tròn(O)																	
		$\widehat{AB} = \widehat{CD}$																	
	KL	$AB = CD$																	
	GT	Cho đường tròn(O)																	
		$AB = CD$																	
	KL	$\widehat{AB} = \widehat{CD}$																	
<p>Hoạt động 2: Định lý 2 – Cá nhân</p> <p>Mục tiêu: NL tính toán, NL tư duy, NL quan sát, NL vận dụng, NL hợp tác, giao tiếp. NL vẽ hình định lý</p> <p>Phương pháp và kỹ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...</p>																			

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: Kết quả hoạt động của học sinh.

NLHT: NL tính toán, NL tư duy, NL quan sát, NL vận dụng, NL hợp tác, giao tiếp. NL vẽ hình

***Bước 1:**

Giáo viên vẽ hình 11 SGK lên bảng. Yêu cầu HS vẽ theo.

Cho cung nhỏ AB lớn hơn cung nhỏ CD. Hãy so sánh hai dây AB và CD.

Sau khi học sinh trả lời giáo viên khẳng định nội dung định lý 2. Yêu cầu học sinh đọc lại nội dung trong SGK.

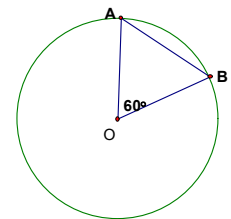
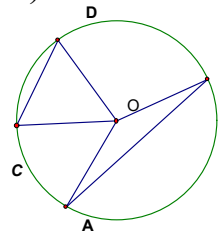
***Bước 2:** Giáo viên yêu cầu HS nhắc lại định lý

2. Định lý 2: (SGK)

- Trong một đường tròn hay hai đường tròn bằng nhau ta có:

a) $\widehat{AB} > \widehat{CD} \Rightarrow AB > CD.$

b) $AB > CD \Rightarrow \widehat{AB} > \widehat{CD}$



4. Câu hỏi và bài tập củng cố - Hướng dẫn về nhà:

a. Câu hỏi và bài tập củng cố

Câu hỏi (MĐ1): Nhắc lại nội dung hai định lý vừa học?

Bài tập 11/sgk.tr72 (MĐ3):

a) Xét hai tam giác vuông ABC và ABD có :

AB chung; AC = AD (2 đường kính của hai đường tròn bằng nhau)

Do đó: $\Delta ABC = \Delta ABD$ (cạnh huyền và một cạnh góc vuông).

Suy ra : BC = BD

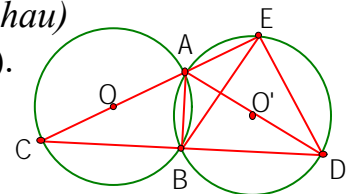
Mà hai đường tròn bằng nhau nên $\widehat{BC} = \widehat{BD}$

b) E nằm trên đường tròn đường kính AD nên $\widehat{AED} = 90^\circ$

Do BC = BD (theo cmt) nên EB là trung tuyến của tam giác ECD vuông

tại E, và ta có: EB = BD

Vậy : $\widehat{EB} = \widehat{BD}$ và B là điểm chính giữa cung EBD



b. Hướng dẫn về nhà

+ Về học bài theo vở ghi và SGK

+ BTVN: 10; 12; 13/sgk.tr71 + 72

+ Xem trước bài: Góc nội tiếp

Tuần:
Tiết:

Ngày soạn:
Ngày dạy:

§3. GÓC NỘI TIẾP

A. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Học sinh hiểu được định nghĩa, các định lý, hệ quả về góc nội tiếp trong đường tròn

2. Kỹ năng: Chứng minh nội dung định lý về góc nội tiếp trong đường tròn. Nhận biết (bằng cách vẽ hình) và chứng minh các hệ quả của góc nội tiếp trong đường tròn. Biết cách phân chia các trường hợp.

3. Thái độ: Cẩn thận, tập trung, chú ý

4. Xác định nội dung trọng tâm: hiểu được định nghĩa, các định lý, hệ quả về góc nội tiếp trong đường tròn.

5. Định hướng phát triển năng lực:

- Năng lực chung: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản.

- Năng lực chuyên biệt: Chứng minh nội dung định lý về góc nội tiếp trong đường tròn và chứng minh các hệ quả của góc nội tiếp trong đường tròn. Biết cách phân chia các trường hợp.

B. PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY

HOC:

- Phương pháp và kỹ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...

- Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

- Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

C. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên: Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu

2. Học sinh: Thực hiện hướng dẫn tiết trước

D. MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:

1. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:

Cấp độ Chủ đề	Nhận biết M1	Thông hiểu M2	Vận dụng M3	Vận dụng cao M4
---------------	--------------	---------------	-------------	-----------------

E. TIẾN TRÌNH TIẾT DẠY:

1. Ôn định lớp:

2. Kiểm tra bài cũ:

HS: Phát biểu các định lý về liên hệ giữa cung và dây cung trong đường tròn.

Giải bài tập 13 SGK

HS1 : Phát biểu đúng định lý (5đ)

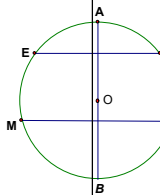
Giải đúng bài tập (5đ)

Bài giải:

Ta có: $AB \perp MN \Rightarrow sđ \widehat{AM} = sđ \widehat{AN}$

$AB \perp EF \Rightarrow sđ \widehat{AE} = sđ \widehat{AF}$

Do đó: $sđ \widehat{AM} - sđ \widehat{AE} = sđ \widehat{AN} - sđ \widehat{AF}$ hay $sđ \widehat{EM} = sđ \widehat{NF} \Rightarrow \widehat{EM} = \widehat{NF}$



3. Khởi động: